

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt sửa đổi Hồ sơ mời thầu (E-HSMT)
Gói thầu: Mua sắm CCDC, biển báo an toàn
thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu số: PL2500190686
thuộc hạng mục: Mua sắm bổ sung CCDC, Biển báo an toàn năm 2025

GIÁM ĐỐC CÔNG TY ĐIỆN LỰC LÀO CAI

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 23/6/2023; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu ngày 29/11/2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 25/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 79/2025/TT-BTC ngày 04/8/2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 826/QĐ-PCLK ngày 26/8/2025 của Giám đốc Công ty Điện lực Lào Cai về việc phê duyệt E-HSMT Gói thầu: “Mua sắm CCDC, biển báo an toàn” thuộc hạng mục: Mua sắm bổ sung CCDC, Biển báo an toàn năm 2025;

Xét đề nghị của Tổ chuyên gia tại Tờ trình số 54/NB-PCLK ngày 04/9/2025 về việc phê duyệt sửa đổi E-HSMT Gói thầu: “Mua sắm CCDC, biển báo an toàn” thuộc hạng mục: Mua sắm bổ sung CCDC, Biển báo an toàn năm 2025;

Theo đề nghị của ông Trưởng phòng Kế hoạch vật tư.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt sửa đổi E-HSMT Gói thầu: “Mua sắm CCDC, biển báo an toàn” thuộc hạng mục: Mua sắm bổ sung CCDC, Biển báo an toàn năm 2025, với nội dung chính như sau:

1. Điều chỉnh Bảng Y: Bảng yêu cầu về hợp đồng tương tự, năng lực sản xuất hàng hóa (áp dụng đối với gói thầu có nhiều loại hàng hóa) thuộc mục II. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm - chương III. Chiêu chuẩn đánh giá E-HSDT của E-HSMT.

(Chi tiết theo Phụ lục đính kèm).

2. Điều chỉnh yêu cầu kỹ thuật của Guốc trèo cột điện ly tâm tại Bảng 7 Phụ lục kỹ thuật E-HSMT.

(Chi tiết theo Phụ lục đính kèm).

3. Điều chỉnh yêu cầu kỹ thuật của Mụp kéo dây 1,5 tấn tại Bảng 17 Phụ lục kỹ thuật E-HSMT.

(Chi tiết theo Phụ lục đính kèm).

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Giao Phòng Kế hoạch vật tư đăng tải Nội dung làm rõ E-HSMT, Quyết định sửa đổi E-HSMT (kèm theo các nội dung sửa đổi) và E-HSMT đã được sửa đổi lên Hệ thống Mạng đấu thầu quốc gia: <https://muasamcong.mpi.gov.vn> theo quy định;

2. Việc sửa đổi phải được thực hiện trước thời điểm đóng thầu tối thiểu 03 ngày làm việc. Trường hợp không bảo đảm đủ thời gian như nêu trên thì phải gia hạn thời điểm đóng thầu.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Ban Giám đốc, Trưởng phòng Kế hoạch vật tư, Trưởng các phòng có liên quan của Công ty Điện lực Lào Cai chịu trách nhiệm thi hành quyết định này theo đúng chức năng, nhiệm vụ được phân công./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- PGĐ Hà Văn Anh (c/đ);
- Lưu: VT, QLĐT.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Anh Tuấn

Phụ lục
NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH

(Kèm theo Quyết định phê duyệt sửa đổi E-HSMT Gói thầu “Mua sắm CCDC, biển báo an toàn”)

Bảng Y. Bảng yêu cầu về hợp đồng tương tự, năng lực sản xuất hàng hóa

STT	Danh mục hàng hóa	Mã HS	Chủng loại, lĩnh vực	Giá trị được coi là tương tự (VND)	Công suất thiết kế của nhà máy, dây chuyền sản xuất đạt tối thiểu Hoặc: Sản lượng sản xuất cao nhất của 01 tháng hoặc 01 năm trong vòng 05 năm gần nhất tính đến thời điểm đóng thầu đạt tối thiểu
1	Găng tay cách điện trung thế			64.476.000	45
2	Găng tay cách điện hạ thế			63.558.000	160,5
3	Găng tay cách điện 36kV			42.269.040	33
4	Bút thử điện hạ áp			12.519.360	378
5	Bút thử điện cao áp			148.119.840	66
6	Sào thao tác 6-35kV			139.746.600	52,5
7	Dây lưng an toàn			18.468.000	28,5
8	Tiếp địa 35kV			108.000.000	37,5
9	Tiếp địa 0,4kV			35.910.000	7,5
10	Tiếp địa cáp vện xoắn 0,4kV			105.300.000	45
11	Thang phíp cách điện			295.920.000	205,5
12	Guộc treo cột điện			26.730.000	81
13	Bộ xác định thứ tự pha phụ tải điện			343.440.000	36
14	Máy đo khoảng cách			177.312.240	42
15	Máy đo khoảng cách pha đất			200.037.600	52,5
16	Ampe kìm AC 2000A			57.186.000	45
17	Ampe kìm AC 3000A (dây mềm)			51.030.000	21
18	Ampe kìm AC/DC 600A			67.365.000	37,5

STT	Danh mục hàng hóa	Mã HS	Chủng loại, lĩnh vực	Giá trị được coi là tương tự (VND)	Công suất thiết kế của nhà máy, dây chuyền sản xuất đạt tối thiểu Hoặc: Sản lượng sản xuất cao nhất của 01 tháng hoặc 01 năm trong vòng 05 năm gần nhất tính đến thời điểm đóng thầu đạt tối thiểu
19	Ampe kìm AC/DC (20A)			124.200.000	30
20	Đồng hồ vạn năng			19.525.860	25,5
21	Đồng hồ vạn năng (kèm kẹp cảm biến AC/DC)			33.048.000	27
22	Đồng hồ vạn năng, đo nhiệt độ			132.271.920	28,5
23	Đồng hồ chỉ thị pha không tiếp xúc			40.392.000	25,5
24	Máy đo điện trở cách điện			229.956.300	34,5
25	Máy đo nội trở ác quy			112.802.760	21
26	Máy kiểm tra bình ác quy			7.797.600	28,5
27	Máy đột thủy lực dùng pin			88.954.200	25,5
28	Máy ép cos thủy lực dùng pin			113.400.000	18
29	Máy Ép cốt, cắt cáp thủy lực dùng pin			154.224.000	31,5
30	Máy cắt cáp thủy lực dùng pin			263.655.000	31,5
31	Máy bắt vít dùng pin			300.706.560	115,5
32	Máy siết bu lông dùng pin			356.722.380	124,5
33	Máy khoan búa dùng pin			93.960.000	37,5
34	Máy khoan bê tông			75.168.000	30
35	Máy khoan từ			70.470.000	13,5
36	Máy cưa xích dùng pin			129.600.000	60
37	Máy mài cắt góc cầm tay dùng pin			73.029.600	42
38	Máy cắt góc			77.220.000	19,5
39	Máy cắt cỏ dùng pin			72.900.000	22,5

STT	Danh mục hàng hóa	Mã HS	Chủng loại, lĩnh vực	Giá trị được coi là tương tự (VND)	Công suất thiết kế của nhà máy, dây chuyền sản xuất đạt tối thiểu Hoặc: Sản lượng sản xuất cao nhất của 01 tháng hoặc 01 năm trong vòng 05 năm gần nhất tính đến thời điểm đóng thầu đạt tối thiểu
40	Máy cắt sắt			37.920.960	28,5
41	Máy hàn điện tử			49.672.980	25,5
42	Máy hàn đa năng			77.760.000	18
43	Máy hàn quang			183.829.500	22,5
44	Pa lăng xích kéo tay 5 tấn - 6m			21.643.200	12
45	Pa lăng xích kéo tay 3 tấn - 6m			7.622.100	7,5
46	Pa lăng xích lắc tay 0,75 T - 1,5m			10.206.000	21
47	Pa lăng xích lắc tay 1,5 T			19.980.000	30
48	Pa lăng xích lắc tay 3 T			17.820.000	16,5
49	Pa lăng xích lắc tay 0,25 T			13.365.000	22,5
50	Puly (3T)			5.265.000	7,5
51	Puly (1T)			2.025.000	7,5
52	Cấm trèo! Điện áp cao nguy hiểm chết người			211.642.200	7635
53	Cấm vào! Điện áp cao nguy hiểm chết người			4.532.220	163,5
54	Cấm lại gần! Có điện nguy hiểm chết người			62.532.000	1737
55	Cấm đóng điện! Có người đang làm việc			25.911.900	685,5
56	Dừng lại! Có điện nguy hiểm chết người			14.817.600	420
57	Làm việc tại đây			11.178.000	337,5

STT	Danh mục hàng hóa	Mã HS	Chủng loại, lĩnh vực	Giá trị được coi là tương tự (VND)	Công suất thiết kế của nhà máy, dây chuyền sản xuất đạt tối thiểu Hoặc: Sản lượng sản xuất cao nhất của 01 tháng hoặc 01 năm trong vòng 05 năm gần nhất tính đến thời điểm đóng thầu đạt tối thiểu
58	Vào hướng này			3.780.000	210
59	Đã nổi đất			20.526.480	663
60	Cáp điện lực			3.780.000	525
61	Biển: Chú ý! Phía trên có điện			65.712.600	2122,5
62	Biển báo AT Điện của ĐDK vượt đường bộ			286.156.800	540
63	Biển báo AT Điện của ĐDK vượt đường sông			294.840.000	117
64	Biển Chú ý có nhiều nguồn điện đến			100.699.200	3108
65	Biển tên TBA...			229.003.200	5301

**Bảng 7. Yêu cầu về đặc tính kỹ thuật
Guốc trèo cột điện ly tâm**

STT	Tên Vật tư thiết bị, đặc tính kỹ thuật	Yêu cầu	Ghi chú
1	Nhà sản xuất/ Nước sản xuất	Nêu rõ	Giữ nguyên, không điều chỉnh
2	Năm sản xuất	2024 trở về sau	
3	Mã hiệu	Nêu rõ	
4	Tiêu chuẩn áp dụng	DB32/152-1996 hoặc tiêu chuẩn tương đương	
5	Biên bản thử nghiệm xuất xưởng của nhà sản xuất hoặc giấy chứng nhận xuất xưởng của Nhà sản xuất	Đáp ứng	
6	Biên bản thí nghiệm điển hình được thực hiện bởi một đơn vị độc lập có đủ năng lực (Các hạng mục thử nghiệm: <i>Thử nghiệm điện: 30.000V/3 phút: Găng không bị đánh thủng, không phóng điện bề mặt.</i> - Tải trọng: 170kg ±10%. - Quá tải trọng: 230kg ±10%. - Thời gian thí nghiệm: 5 phút.)	Biên bản thí nghiệm điển hình được thực hiện bởi một đơn vị độc lập có đủ năng lực (Các hạng mục thử nghiệm: - Tải trọng: 170kg ±10%. - Quá tải trọng: 230kg ±10%. - Thời gian thí nghiệm: 5 phút.)	Điều chỉnh
7	Guốc trèo phải đảm bảo được cột bê tông ly tâm có đường kính đến 450mm	Đáp ứng	Giữ nguyên, không điều chỉnh

STT	Tên Vật tư thiết bị, đặc tính kỹ thuật	Yêu cầu	Ghi chú
8	Thân guốc trèo	<p>- Vật liệu làm guốc trèo bằng ống thép chịu lực có mạ chống gỉ, có mặt cắt hình tam giác đều có cạnh $\geq 18\text{mm}$. Độ dài thân guốc trèo $\geq 650\text{mm}$, tại điểm cuối của phần thẳng có chốt tán định vị để ống lồng của phần bàn đạp không bị tuột ra.</p> <p>- Cao su bắt vào phần cong của thân guốc trèo có màn sợi tổng hợp đúc liền dày $\geq 10\text{mm}$, dài $\geq 250\text{mm}$, rộng $\geq 22\text{mm}$; Các mũ vít bắt đệm cao su vào guốc trèo ngập sâu dưới bề mặt cao su $\approx 2\text{mm}$.</p>	Giữ nguyên, không điều chỉnh
9	Phần bàn đạp	<p>- Guốc trèo có bàn đặt chân làm bằng tôn mạ chống gỉ dày đến $2\text{mm} \pm 5\%$, bản rộng $\geq 120\text{mm}$ đập trên máy, có lỗ thoát nước, gờ chống trơn. Cơ cấu ống lồng măng-xông hình tam giác, có độ dài $\geq 55\text{mm}$ chạy tron phía ngoài thân guốc trèo. Liên kết giữa ống lồng và bàn đặt chân là ống thép chịu lực mạ chống gỉ có đường kính $\geq 15\text{mm}$. Các chi tiết để bắt miếng cao su ôm cột ở phần đặt chân làm bằng thép mạ chống gỉ, có độ dày $\geq 6\text{mm}$, bulông- êcu nội kết có cơ cấu phanh hãm chống đề-xe. Cao su bắt vào phần bàn đạp cùng loại với cao su ở thân, được bắt vào phần bàn đạp bằng các bulông-vít, có độ ôm cột tốt.- Dây buộc giữ chân bằng bản dẹt ni lon dày $2\text{mm} \pm 5\%$, rộng $25\text{mm} \pm 2\%$, dài $\geq 400\text{mm}$ có khoá để điều chỉnh vô cấp độ rộng, hẹp khi buộc mu bàn chân và có quai hậu để chống tuột.</p>	
10	Ghi nhãn, bao gói	<p>- Ghi nhãn: Tên hàng hóa, mã hiệu sản phẩm, hãng sản xuất.</p> <p>- Bao gói: Guốc trèo được đựng thành từng đôi trong túi ni lông sau đó được đựng trong thùng các tông.</p>	

STT	Tên Vật tư thiết bị, đặc tính kỹ thuật	Yêu cầu	Ghi chú
11	Điện áp chịu đựng tần số 50 Hz trong 1 phút	50 kV	Giữ nguyên, không điều chỉnh
12	Điện áp chịu đựng xung sét 1,2/50 μ s (BIL)	125 kVp	

**Bảng 17. Yêu cầu về đặc tính kỹ thuật
Mục kéo dây 1,5 tấn**

STT	Tên Vật tư thiết bị, đặc tính kỹ thuật	Yêu cầu	Ghi chú
1	Nhà sản xuất/ Nước sản xuất	Nêu rõ	Giữ nguyên, không điều chỉnh
2	Mã hiệu	Nêu rõ	
3	Năm sản xuất	2024 trở về sau	
4	Tải trọng nâng	≥ 1,5 tấn	
5	Đường kính cáp	4-22 mm	
6	Trọng lượng	1.5kg	
7	Chất liệu	Thép hợp kim	
8	Hệ số an toàn	Không yêu cầu	Điều chỉnh
9	Ứng dụng	dùng để kẹp cáp ABC, (cáp điện hạ thế 4 sợi), dùng trong công tác thi công lưới điện, truyền tải điện. Má kẹp làm bằng hợp kim nhôm chịu lực, đảm bảo an toàn cho vỏ bọc dây.	Giữ nguyên, không điều chỉnh